

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2010/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2010

Dự thảo 1

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 109/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo; giao dịch, ký kết, tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung (sau đây viết tắt là hợp đồng tập trung); xử lý vi phạm liên quan đến việc giao dịch, ký kết, thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo vào thị trường có hợp đồng tập trung và việc thuê kho chứa, cơ sở xay, xát thóc, gạo để đáp ứng điều kiện kinh doanh trong thời gian chuyển tiếp theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo; các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo, giao dịch, ký kết, thực hiện hợp đồng tập trung và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc đối với việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo và xuất khẩu gạo theo hình thức hợp đồng tập trung

1. Việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo, chỉ định thương nhân làm đầu mối giao dịch dự thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng và việc phân bổ thực hiện hợp đồng tập trung phải đảm bảo nguyên tắc công khai, đúng quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng xuất khẩu gạo phải được đăng ký tại Hiệp hội Lương thực Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư này trước khi làm thủ tục hải quan để xuất khẩu.

3. Hiệp hội Lương thực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo cho thương nhân theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư này.

Chương II

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU GẠO

Điều 3. Điều kiện để hợp đồng xuất khẩu gạo được chấp thuận đăng ký

1. Hợp đồng xuất khẩu gạo của thương nhân được chấp thuận đăng ký khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đảm bảo các tiêu chí quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Nội dung hợp đồng và việc giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng không trái các quy định tại Thông tư này.

c) Thương nhân có hồ sơ đăng ký hợp lệ theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp hợp đồng xuất khẩu gạo có thể gây ảnh hưởng đến cân đối cung - cầu thị trường trong nước thì Hiệp hội Lương thực Việt Nam phải báo cáo ngay bằng văn bản với Bộ Công Thương và đề xuất biện pháp xử lý.

Điều 4. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo

1. Hồ sơ đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo gồm:

a) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận còn hiệu lực mà thương nhân được cấp.

b) Bản chính hợp đồng xuất khẩu gạo đã được ký kết.

c) Bản chính báo cáo lượng thóc, gạo hiện tồn kho của thương nhân.

d) Trường hợp để được ưu tiên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ, thương nhân nộp thêm văn bản đề nghị ưu tiên và báo cáo tổng hợp việc mua thóc, gạo trực tiếp thông qua hợp đồng tiêu thụ nông sản ký với người sản xuất kèm theo các chứng từ liên quan để chứng minh.

Thương nhân trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo tại Hiệp hội Lương thực Việt Nam hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Hiệp hội Lương thực Việt Nam - số 210 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: (08)39302613/39302614/39302544. Fax: 08.39302704. Địa chỉ email: vietfood@hcm.vnn.vn. Địa chỉ website: Vietfood.org.vn

2. Trình tự, thủ tục đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Việc ưu tiên đăng ký trước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp đồng đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định thì được đăng ký ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì Hiệp hội Lương thực Việt Nam thông báo ngay cho thương nhân biết trong ngày tiếp nhận hồ sơ và đăng ký hợp đồng ngay trong ngày nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung đầy đủ, hợp lệ.

c) Trường hợp nhận được hồ sơ vào cuối ngày làm việc và không còn đủ thời gian để xử lý thì hồ sơ được ưu tiên phải được kiểm tra, xử lý trước các hồ sơ khác vào đầu ngày làm việc tiếp theo.

Điều 5. Nội dung hợp đồng xuất khẩu gạo

1. Hợp đồng xuất khẩu gạo phải phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế và phải có các thông tin sau đây:

a) Tên, địa chỉ của Bên mua và Bên bán.

b) Tên hàng, số lượng, chủng loại, chất lượng, qui cách, bao bì đóng gói.

c) Phương thức giao hàng, thời hạn giao hàng, cảng xếp hàng, cảng dỡ hàng, cảng chuyển tải (nếu có).

d) Giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, đồng tiền thanh toán phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2. Hợp đồng xuất khẩu gạo phải có điều khoản quy định về việc xuất khẩu gạo sang nước thứ 3 (điều khoản tái xuất) như sau:

a) Việc Bên mua tái xuất sang nước thứ 3 là nước hoặc vùng lãnh thổ có giao dịch hợp đồng tập trung với Việt Nam phải được sự đồng ý của Bên bán.

b) Bên bán chỉ được chấp thuận cho Bên mua được tái xuất sang nước thứ 3 là nước hoặc vùng lãnh thổ có giao dịch hợp đồng tập trung với Việt Nam sau khi được Bộ Công Thương chấp thuận bằng văn bản.

3. Hợp đồng xuất khẩu gạo phải có thoả thuận thanh toán phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

a) Trường hợp thanh toán bằng tín dụng thư (L/C) thì thời hạn giao hàng không quá 02 (hai) tháng, kể từ ngày ký hợp đồng và L/C phải được mở trong thời hạn tối đa là 15 (mười lăm) ngày, từ ngày hợp đồng xuất khẩu được ký kết. Quá hạn này mà L/C chưa mở thì Hiệp hội Lương thực Việt Nam hủy đăng ký hợp đồng.

b) Trường hợp thanh toán bằng hình thức thanh toán khác thì thời hạn giao hàng chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Trường hợp có sự điều chỉnh nội dung hợp đồng đã đăng ký, thương nhân phải ký phụ kiện bổ sung hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1, khoản 2

Điều 3 Thông tư này và đăng ký phụ kiện đó tại Hiệp hội Lương thực Việt Nam trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký phụ kiện.

Điều 6. Kiểm soát hồ sơ đăng ký hợp đồng xuất khẩu

1. Trong quá trình đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo, nếu phát hiện hành vi gian lận giá hoặc vi phạm qui định, chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thị trường có hợp đồng tập trung hoặc các vi phạm khác, Hiệp hội Lương thực Việt Nam báo cáo ngay bằng văn bản với Bộ Công Thương và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Trên cơ sở báo cáo đề xuất của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Bộ Công Thương tiến hành xem xét, xử lý theo quy định.

3. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thương nhân có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng từ, tài liệu liên quan để kiểm tra, xác minh.

Điều 7. Cập nhật thông tin về thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo

Thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo có trách nhiệm báo cáo Hiệp hội Lương thực Việt Nam để cập nhật thông tin về việc mở L/C cho hợp đồng xuất khẩu và tiến độ giao hàng theo hợp đồng đã được chấp thuận đăng ký.

Chương III

THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TẬP TRUNG

Mục 1 - Đầu mối giao dịch

Điều 8. Chỉ định đầu mối giao dịch

1. Bộ Công Thương chỉ định đầu mối giao dịch hợp đồng tập trung theo các tiêu chí sau:

a) Thành tích xuất khẩu gạo của thương nhân trong 02 (hai) năm gần nhất vào thị trường dự kiến giao dịch hợp đồng tập trung.

b) Thành tích xuất khẩu gạo của thương nhân trong 02 (hai) năm gần nhất.

c) Các giao dịch gần nhất với đối tác do phía nước ngoài dự kiến chỉ định giao dịch hợp đồng tập trung.

2. Đối với những thương nhân đã được chỉ định làm đầu mối giao dịch hợp đồng tập trung trước khi Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo chỉ định đó cho đến khi thỏa thuận với nước ngoài hết hiệu lực.

Điều 9. Thông tin, báo cáo việc giao dịch hợp đồng tập trung

1. Thương nhân đầu mối có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về thời gian dự kiến bắt đầu, và kết thúc giao dịch, tình hình giao dịch dự thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng tập trung.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam theo dõi tình hình, hỗ trợ thương nhân trong việc giao dịch dự thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng tập trung.

2. Ngay sau khi ký hợp đồng tập trung, thương nhân đầu mỗi tổng hợp, báo cáo bằng văn bản với Bộ Công Thương và Hiệp hội Lương thực Việt Nam về kết quả ký kết hợp đồng và phương án triển khai thực hiện hợp đồng.

Mục 2 – Phân bổ chỉ tiêu thực hiện

Điều 10. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung cho các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để ủy thác xuất khẩu căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Hiệp hội Lương thực Việt Nam lập phương án thực hiện phân bổ hợp đồng tập trung cho các thương nhân và gửi Bộ Công Thương trước khi giao chỉ tiêu cho thương nhân thực hiện.

Điều 11. Phân bổ hợp đồng tập trung

1. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc ký kết hợp đồng tập trung, Hiệp hội Lương thực Việt Nam thông báo bằng văn bản để các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo biết, đăng ký chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu, trừ trường hợp Bộ Công Thương có chỉ đạo thời điểm cụ thể để thông báo việc phân bổ chỉ tiêu này.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thương nhân gửi hồ sơ đăng ký đến Hiệp hội Lương thực Việt Nam, hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị được phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu của thương nhân, trong đó nêu rõ số lượng gạo nhận xuất khẩu ủy thác.

b) Báo cáo thành tích xuất khẩu trực tiếp 06 (sáu) tháng trước đó và tình hình tồn kho thóc, gạo của thương nhân, trong đó nêu rõ lượng gạo tồn kho do mua tạm trữ theo chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nếu có).

4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo việc phân bổ chỉ tiêu ủy thác xuất khẩu, căn cứ hồ sơ đăng ký của thương nhân, Ban lãnh đạo Hiệp hội Lương thực Việt Nam họp quyết định việc phân bổ chỉ tiêu, báo cáo ngay kết quả phân bổ về Bộ Công Thương kèm theo phương án đánh giá được xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này và danh sách các thương nhân đăng ký đồng thời thông báo bằng văn bản để các thương nhân đã đăng ký biết.

5. Trường hợp do yêu cầu của đối tác nhập khẩu mà không thực hiện được trình tự, thủ tục quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này, Hiệp hội Lương thực Việt Nam báo cáo ngay bằng văn bản với Bộ Công Thương và đề xuất phương án xử lý.

6. Thương nhân đầu mối có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện hợp đồng tập trung đã ký trong trường hợp không có thương nhân nào đăng ký hoặc đăng ký không hết lượng gạo dự kiến phân bổ để xuất khẩu uỷ thác theo quy định.

Điều 12. Rút lại đăng ký hoặc trả lại chỉ tiêu uỷ thác xuất khẩu

1. Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, thương nhân gửi văn bản đề nghị rút lại việc đăng ký chỉ tiêu hoặc trả lại chỉ tiêu xuất khẩu uỷ thác đã được phân bổ đến Hiệp hội Lương thực Việt Nam và nêu rõ lý do.

2. Việc phân giao chỉ tiêu được trả lại trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này cho thương nhân khác theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày thương nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chỉ tiêu đã được phân bổ mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Hiệp hội Lương thực Việt Nam không phân bổ chỉ tiêu xuất khẩu uỷ thác theo hợp đồng tập trung sau đó cho thương nhân đó.

Điều 13. Ký kết và thực hiện hợp đồng uỷ thác xuất khẩu

1. Thời gian ký hợp đồng uỷ thác và nhận uỷ thác không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thương nhân được phân bổ chỉ tiêu uỷ thác xuất khẩu.

2. Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu gạo từ hợp đồng tập trung phải có quy định xử lý trách nhiệm trong trường hợp các bên vi phạm hợp đồng uỷ thác đã ký, trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng tập trung đã ký.

3. Trường hợp thương nhân không thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần hợp đồng uỷ thác đã ký thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của hợp đồng uỷ thác và sẽ không được phân bổ chỉ tiêu theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

Điều 14. Phí uỷ thác xuất khẩu

1. Mức phí uỷ thác xuất khẩu là 01 (một) USD/tấn gạo. Thương nhân có trách nhiệm nộp phí này cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam trong thời hạn chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày được phân bổ chỉ tiêu uỷ thác xuất khẩu.

2. Phí uỷ thác xuất khẩu được sử dụng để tạo nguồn quỹ phục vụ công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, bù đắp một phần lợi chi phí cho thương nhân tham gia điều tiết, bình ổn giá thóc, gạo hoặc thực hiện hợp đồng tập trung theo chỉ đạo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc lập, quản lý, sử dụng quỹ này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Trách nhiệm trong việc phân bổ hợp đồng tập trung

Hiệp hội Lương thực Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức phân bổ chỉ tiêu thực hiện hợp đồng tập trung theo quy định; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu uỷ thác và báo cáo tình hình triển khai thực hiện về Bộ Công Thương.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC GIAO DỊCH, KÝ KẾT, THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU GẠO VÀO THỊ TRƯỜNG TẬP TRUNG

Điều 16. Quy định về xuất khẩu và tái xuất gạo vào thị trường tập trung

1. Thương nhân không được giao dịch, ký kết hợp đồng xuất khẩu hoặc đề Bên mua tái xuất gạo vào thị trường tập trung trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp được Bộ Công Thương chấp thuận bằng văn bản.

2. Bộ Công Thương thông báo thời gian và thị trường đang có giao dịch hợp đồng tập trung với Việt Nam để các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo không giao dịch xuất khẩu gạo vào thị trường này trong thời gian đó.

Điều 17. Điều kiện, thủ tục chấp thuận việc tái xuất

1. Bộ Công Thương chỉ chấp thuận cho tái xuất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc giao dịch dự thầu, ký kết, thực hiện hợp đồng tập trung và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện tái xuất được thỏa thuận và thể hiện trong hợp đồng xuất khẩu gạo do thương nhân làm thủ tục đăng ký lần đầu.

b) Giá xuất khẩu trong hợp đồng đã được chấp thuận đăng ký không thấp hơn giá giao dịch, dự thầu tại thị trường tập trung của thương nhân đầu mối hoặc giá xuất khẩu trong hợp đồng tập trung đã được ký kết.

c) Có văn bản đề nghị cho tái xuất của Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của thương nhân xuất khẩu và văn bản đề nghị của Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Bộ Công Thương xem xét và có văn bản trả lời thương nhân.

Điều 18. Xử lý vi phạm quy định và chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hợp đồng tập trung và thị trường có hợp đồng tập trung

Hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 26 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định liên quan tại Thông tư này bị xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Trường hợp trong quá trình đăng ký hợp đồng hoặc sau khi đã chấp thuận đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo cho thương nhân mà phát hiện vi phạm thì tùy từng trường hợp, Hiệp hội Lương thực Việt Nam tạm dừng việc đăng ký hợp đồng xuất khẩu hoặc hủy đăng ký hợp đồng; báo cáo ngay bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, xử lý theo quy định.

2. Hiệp hội Lương thực Việt Nam không đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo của thương nhân nếu thương nhân không tuân thủ quy định tại Điều 5, Điều 15, Điều 17 Thông tư này.

3. Cơ quan Hải quan không làm thủ tục thông quan cho lô hàng của hợp đồng xuất khẩu theo quyết định xử lý vi phạm của Bộ Công Thương, nếu hợp đồng xuất khẩu đã được Hiệp hội Lương thực Việt Nam chấp thuận đăng ký.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THUÊ KHO CHỨA, CƠ SỞ XAY, XÁT THÓC, GẠO ĐỂ ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO

Điều 19. Quy định đối với việc thuê, cho thuê kho chứa, cơ sở xay, xát thóc, gạo để đáp ứng điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo

1. Tổ chức, cá nhân cho thuê kho chứa, cơ sở xay, xát thóc, gạo để đáp ứng điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo không được ký hợp đồng cho thuê vượt quá sức chứa thực tế của kho chứa, công suất xay, xát của cơ sở xay, xát cho thuê.

2. Thương nhân có Giấy chứng nhận không được cho thuê hoặc cho thuê lại kho chứa, cơ sở xay, xát để thương nhân thuê hoặc thuê lại kho chứa, cơ sở xay, xát đó sử dụng vào mục đích xin cấp Giấy chứng nhận.

3. Thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh phải có hợp đồng thuê bằng văn bản, phù hợp với quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận

Ngoài các giấy tờ theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ, thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh phải nộp kèm theo bản chính hợp đồng thuê trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận.

Điều 21. Hiệu lực của Giấy chứng nhận cấp cho thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh

1. Giấy chứng nhận cấp cho thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo có hiệu lực trong thời hạn 01 (một) năm, tính từ khi hết thời hạn chuyển tiếp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sau thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này, thương nhân này phải có kho chứa, cơ sở xay, xát thuộc sở hữu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ mới được tiếp tục kinh doanh xuất khẩu gạo.

3. Khi Giấy chứng nhận đã cấp cho thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát để đáp ứng điều kiện kinh doanh sắp hết hiệu lực, thương nhân phải nộp hồ sơ đề

ngiht cấp Giấy chứng nhận mới theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 109/2010/NĐ-CP của Chính phủ để được tiếp tục kinh doanh xuất khẩu gạo..

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện

Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Đối với hợp đồng xuất khẩu gạo đã được đăng ký, hợp đồng tập trung đã được phân bổ thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện mà không phải đăng ký, phân bổ lại.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để xử lý./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Hiệp hội Lương thực Việt Nam;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; Các Vụ, Cục trực thuộc Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK (15).

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Biên